

QUAN ĐIỂM TIẾP CẬN VÀ BÀI HỌC THỰC TIỄN TRONG ĐỔI MỚI THỂ CHẾ QUẢN LÝ THỦY LỢI Ở VIỆT NAM

ThS. Đinh Văn Đạo
Viện Kinh tế và Quản lý Thủy lợi

Tóm tắt: Phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa yêu cầu công tác quản lý khai thác công trình thủy lợi phải thay đổi để đáp ứng được yêu cầu và nhu cầu đó. Công tác đổi mới đòi hỏi cần có quan điểm, cách tiếp cận một cách cụ thể và khoa học phù hợp với điều kiện đặc thù của từng địa phương và ngành trong bối cảnh chung của đất nước. Bài viết này đưa ra quan điểm hay cách xác định và chỉ ra những lựa chọn ưu tiên như là một cách đánh giá thực trạng và đề xuất ra những định hướng tốt cho công tác đổi mới đồng thời xác định rõ cấu trúc hệ thống của tổ chức và điểm mấu chốt ưu tiên tác động làm thay đổi dần dần các vấn đề vướng mắc trong quản lý khai thác công trình thủy lợi. Một bài học kinh nghiệm cho xác định hiện trạng thủy lợi, những lựa chọn, cấu trúc hệ thống tổ chức, mối quan hệ giữa các yếu tố và những kết quả đạt được ban đầu cho sự đổi mới trong đó đổi mới cơ chế chính sách là vấn đề cốt lõi và ưu tiên hàng đầu cho sự đổi mới.

Summary: Agricultural development toward to market orientation requires activities supplying input services for it like irrigation and and drainage services which also have to change to satisfy the requirement and demand. The innovation in irrigation and drainage management needs to be developed on basis of clear concepts, specific and and scientific approaches which are suitable with general context of the nation. The paper would display the concept or approaches to define and understand the priority activities as a method to assess the irrigation situation and suggest the pathway for irrigation development in new context. It also shows understanding about the institutional arrangement and key activities and points prioritized as the first impacts which are very important and could gradually solve the constraints in irrigation and drainage management. The real experience for defining the irrigation and drainage situation, priority selections, institutional arrangement, relationship among the actors and players will be shown as its initiative achievements of innovation process in Tuyen Quang in which reforming policy mechanism is considered as a core and most priority factor in whole process .

Key words: irrigation, drainage, institutional arrangement, policy.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Phát triển sản xuất nông nghiệp có tưới theo hướng sản xuất hàng hóa đòi hỏi việc cung cấp các dịch vụ tưới tiêu cho sản xuất phải thay đổi và thích hợp theo hướng hiện đại hóa, đồng bộ từ cơ chế chính sách, tổ chức đến các yếu tố kỹ thuật.... Trước những đòi hỏi trong tổ chức kinh tế mới và những tác động cực

đoan của biến đổi khí hậu hiện nay, quan điểm nâng cao hiệu quả khai thác công trình thủy lợi cần phải thay đổi phù hợp với xu thế phát triển và biến đổi của môi trường. Dịch vụ tưới không chỉ phải đảm bảo về chất lượng và số lượng mà còn phải đảm bảo về mặt không gian, thời gian cũng như không thể bỏ qua các vấn đề về tiết kiệm nguồn tài nguyên nước, tối thiểu hóa chi phí trong quản lý vận hành. Những cơ chế quản lý cũ theo kiểu bao cấp, xin - cho, cáo bắng hay mệnh lệnh hành chính từ trên xuống dưới đang dần trở lên cũ kỹ lạc hậu không đáp ứng được những nhu cầu bức

Người phân biên: PGS.TS. Đoàn Thế Lợi
Ngày nhận bài: 10/11/2014
Ngày thông qua phân biên: 02/12/2014
Ngày duyệt đăng: 17/12/2014.

thiết của phát triển xã hội mà cần thay bằng cơ chế mới theo hướng xã hội hóa và thị trường hóa [2]. Trong cơ chế mới, các mối quan hệ giữa các nhân tố tham gia về quản lý nhà nước và quản lý vận hành công trình thủy lợi cần được làm rõ và minh bạch hóa thông qua các công cụ pháp lý cụ thể [7].

Tên cơ sở yêu cầu đặt ra cho phát triển, nhiều kế hoạch đổi mới quản lý khai thác công trình thủy lợi (QLKTCTTL) đã được đặt ra và thực hiện cụ thể như các cơ chế chính sách, kế hoạch hay chiến lược trong QLKTCTTL ở nước ta là tương đối đầy đủ, đồng bộ và phù hợp chủ trương, định hướng đổi mới quản lý theo hướng sản xuất cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích theo cơ chế thị trường và hội nhập quốc tế [3]. Tuy nhiên thực tế triển khai còn nhiều bất cập nhiều địa phương chưa thực hiện một cách đầy đủ hoặc cách tiếp cận chưa hoàn chỉnh dẫn đến hiệu quả quản lý khai thác các hệ thống thủy lợi trên địa bàn không cao. Để giải quyết những bất cập trên đòi hỏi phải có những kế hoạch, phương pháp đánh giá, lựa chọn ưu tiên phù hợp và được thực hiện một cách khoa học trên cơ sở tháo gỡ từng bước và phù hợp với điều kiện của địa phương. Trong khuôn khổ bài viết này nhóm tác giả muốn đóng góp một góc nhìn hay cơ sở lý luận và bài học kinh nghiệm thực tế nhằm hỗ trợ tháo gỡ những vướng mắc trong con đường đổi mới nâng cao hiệu quả khai thác công trình thủy lợi ở nước ta hiện nay.

II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- Nghiên cứu được viết dựa trên quan điểm đánh giá thể chế bằng cách đưa ra và phân tích các giả thiết đa chiều ảnh hưởng đến tổ chức thể chế để tìm ra những nhân tố và sự tương quan giữa chúng trong một khuôn khổ thể chế cho phép. Điều này được Lin Crases và cộng sự phát triển bao gồm quan điểm về hiệu quả thể chế nước; luật, thói quen sử dụng và những quy định; lựa chọn linh hoạt; đa dạng tổ chức và ràng buộc thể chế.

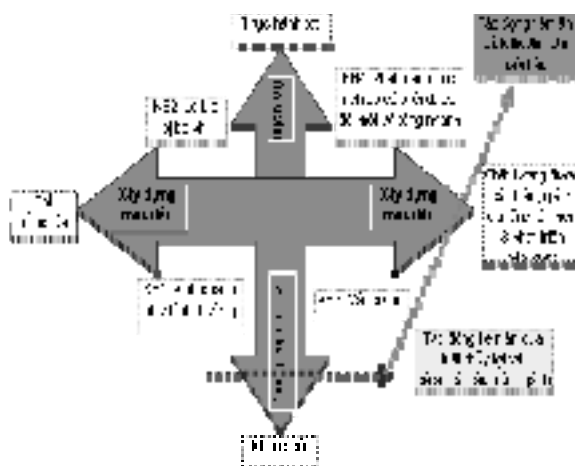
- Một số công cụ sử dụng để đánh giá thể chế

chính sách như phân tích điểm mạnh, yếu, cơ hội, thách thức (SWOT) và sơ đồ mạng nhện (Spider Map) để đánh giá hiện trạng thể chế và những kết quả của đổi mới thể chế qua thời gian.

III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Xác định và lựa chọn ưu tiên cho phát triển thủy lợi ở nước ta

Đổi mới QLKTCTTL luôn đặt ra thách thức và cơ hội không chỉ nâng cao hiệu quả công tác QLKTCTTL mà còn phải đảm bảo các vấn đề phát triển kinh tế xã hội bền vững, đặc biệt tại các khu vực nông thôn và ứng phó với biến đổi khí hậu [1], [6]. Trong quá trình đổi mới, việc xác định và lựa chọn các mục tiêu ưu tiên đòi hỏi cần phải đánh giá chính xác hiện trạng của ngành và phân tích kỹ những kịch bản có thể xảy ra khi đưa ra những quyết định lựa chọn cho sự đổi mới. Trong các lựa chọn đưa ra cần ưu tiên thực hiện để hoàn thành những mục tiêu đặt ra trên cơ sở sử dụng có hiệu quả nhất nguồn lực hiện có và phù hợp với bối cảnh kinh tế chính trị của quốc gia [1]. Hình 1, mô tả và phân tích những kịch bản cho phát triển thủy lợi ở nước ta hiện nay nhằm hỗ trợ đưa ra những quyết định phù hợp cho đổi mới thể chế QLKTCTTL.



Hình 1. Thách thức đổi mới thủy lợi ở Việt Nam (Kết quả nghiên cứu của nhóm tư vấn Viện KT&QLTL và Ngân hàng thế giới năm 2013) Trong khung đánh giá trên ta có thể thấy các

kịch bản (KB) đặt ra khi chúng ta là lựa chọn con đường nào để phát triển [1]. Kịch bản 1, là chúng ta không thay đổi cách tiếp cận phát triển nông nghiệp theo hướng hàng hóa và không tận dụng lợi thế cạnh tranh của Việt Nam từ độc canh lúa sang các loại cây trồng có giá trị cao hơn, đồng thời cơ sở hạ tầng thủy lợi xuống cấp và vẫn chỉ phục vụ trồng lúa. Với KB này sẽ khó đáp ứng được các mục tiêu đặt ra trong kế hoạch tái cấu trúc ngành với mục tiêu nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Không những thế, nhu cầu nước cho sản xuất lúa rất lớn trong khi nguồn nước đang ngày càng khan hiếm, cạn kiệt nên chi phí và hiệu quả sản xuất nông nghiệp sẽ thấp đi. KB 2: Nếu phát triển thủy lợi và áp dụng các công nghệ tưới tiêu tiên tiến nâng cao chất lượng dịch vụ tưới, đáp ứng theo yêu cầu sản xuất mà không thay đổi cách tiếp cận phát triển nông nghiệp thì các nỗ lực đổi mới thủy lợi cũng sẽ bị bỏ phí. KB 3: Sản xuất nông nghiệp đổi mới, phát triển theo cơ chế thị trường và nhu cầu về chất lượng dịch vụ thủy lợi đòi hỏi cao hơn (đáp ứng yêu cầu sản xuất theo từng loại cây trồng). Nếu không đổi mới thủy lợi thì nông nghiệp cũng sẽ gặp khó khăn trong phát triển theo cơ chế thị trường và cơ hội phát triển bị bỏ lỡ. KB 4: Cùng với việc hiện đại hóa thủy lợi, nâng cao chất lượng dịch vụ tưới tiêu đáp ứng nhu cầu đa dạng hóa sản xuất nông nghiệp, nâng cao giá trị gia tăng trong sản xuất nông nghiệp. Kết quả là người sản xuất nông nghiệp có thu nhập và sẵn sàng chi trả đầy đủ phí dịch vụ thủy lợi, hỗ trợ cho thủy lợi bền vững và từng bước hiện đại hóa. KB này phù hợp với cách tiếp cận phát triển nông nghiệp theo hướng thị trường, tận dụng lợi thế cạnh tranh của Việt Nam và đảm bảo thực hiện thành công đề án tái cấu trúc ngành.

Bởi vậy, trong bối cảnh kinh tế mới, ngành thủy lợi cần phải đổi mới và hiện đại hóa nhằm: Nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ như tưới tiêu đúng khối lượng, kịp thời, khoa

học. Để thực hiện được yêu cầu này, hạ tầng thủy lợi cần phải được đổi mới và nâng cấp theo hướng hiện đại hóa. Cơ chế tổ chức, chính sách phải bảo đảm hài hòa lợi ích giữa người sử dụng nước và nhà cung cấp dịch vụ tưới theo cơ chế thị trường. Hơn nữa hiệu quả đầu tư thủy lợi cao hơn, phát triển thủy lợi bền vững hơn đồng thời người sử dụng dịch vụ hài lòng và sẵn sàng chi trả phí sử dụng nước. Kết quả cuối cùng là nâng cao năng lực quản lý của ngành thủy lợi, giúp người nông dân có được thu nhập cao hơn và thúc đẩy nền kinh tế phát triển [4].

3.2. Nhận định cấu trúc hệ thống và điểm mấu chốt cần tác động để đổi mới

Như phân tích trên, đổi mới quản lý dịch vụ thủy lợi thì điều trước tiên phải xác định rõ cấu trúc hệ thống của ngành và những điểm mấu chốt, ưu tiên thực hiện cho phù hợp với bối cảnh kinh tế mới [7]. Hình 2 sơ lược mô tả cấu trúc hệ thống của một ngành và mối liên kết hữu cơ giữa các bộ phận, bao gồm: i) Cơ cấu tổ chức, ii) Mối liên kết giữa các tổ chức và iii) Năng lực nội tại của các tổ chức. Cả ba bộ phận trên hoạt động trong một môi trường chung là các quy định về chính sách và định hướng của nhà nước và của ngành. Trong quá trình vận động và phát triển, hệ thống luôn phát sinh các vấn đề hay tồn tại đòi hỏi cần có tác động làm cho hệ thống đó thay đổi cho phù hợp với điều kiện thực tế [6], [7].

Dựa vào những lập luận trên (hình 2), chúng ta có thể phân tích hệ thống tổ chức quản lý khai thác công trình thủy lợi ở Việt Nam như sau

Về hệ thống tổ chức bao gồm: hệ thống quản lý nhà nước là các cơ quan chính quyền từ chính phủ, ủy ban nhân dân các cấp, hệ thống quản lý nhà nước về chuyên môn nghiệp vụ bao gồm Bộ, các Sở, Chi cục và hệ thống tổ chức sản xuất là các công ty, các tổ chức hợp tác dùng nước và hộ sử dụng nước [7].



Hình 2. Sơ đồ trực quan về cấu trúc hệ thống tổ chức một ngành

Về năng lực nội tại: năng lực cứng như cơ sở hạ tầng (công trình), các trang thiết bị phục vụ quản lý và công cụ chuyên môn và năng lực mềm như trình độ chuyên môn, năng lực quản lý hay kinh nghiệm....

Về sự liên kết giữa các tổ chức: các mối quan hệ kinh tế xã hội giữa các cơ quan dưới hình thức cấp quản lý hay đối tác trong các quan hệ quản lý nhà nước và sản xuất, khai thác hệ thống công

trình thủy lợi phục vụ mục tiêu kinh tế và xã hội.

Về môi trường chính sách: được thiết lập bởi các cơ quan quản lý nhà nước và quản lý chuyên môn nhằm tạo ra môi trường và cơ sở pháp lý để toàn bộ hệ thống hoạt động có hiệu quả. Trường hợp thực hiện một cách đơn lẻ, không tuân thủ đúng bản chất của hệ thống hoặc không đúng mục tiêu hay cơ chế chung của toàn hệ thống thì phần lớn các tác động này gây ra những lãng phí và hiệu quả thấp.

3.3. Bài học thực tiễn trong đổi mới thể chế trong quản lý thủy lợi

3.3.1. Cách xác định và lựa chọn ưu tiên đổi mới ở Tuyên Quang

Thực tế cho thấy đổi mới QLKTCTTL trên cơ sở môi trường chính sách hiện nay và bằng những tác động một cách có kế hoạch, có chiến lược ở một số địa phương đã bước đầu đem lại những hiệu quả nhất định. Trong đó thể hiện rõ quan điểm nhận thức rõ ràng về cách xác định vị trí, hiện trạng của ngành, cách thức lựa chọn hay định hướng phát triển, cách đánh giá hệ thống tổ chức và lựa chọn ưu tiên mấu chốt để tiến hành đổi mới (7)(1).

Bảng 1. Các bước ưu tiên đổi mới công tác QLKTCTTL ở Tuyên Quang

| | | |
|--------|----------------------------------|--|
| Bước 1 | Môi trường chính sách | Hoàn thiện khung pháp lý cấp tỉnh, địa phương bằng việc xây dựng đề án đổi mới nhằm định hình hướng phát triển và cơ chế chung phù hợp định hướng phát triển thủy lợi của tỉnh (định hướng áp dụng cơ chế đặt hàng). |
| | Hệ thống tổ chức | Củng cố lại các đơn vị quản lý khai thác hệ thống thủy lợi bằng việc xây dựng đề án và thành lập Ban QLKTCTTL cấp tỉnh trên cơ sở sáp nhập các ban liên huyện, trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT ... |
| Bước 2 | Năng lực nội tại của các tổ chức | Nâng cao năng lực cần thiết của các tổ chức thành viên nhằm đáp ứng yêu cầu của cơ chế mới. |
| | Liên kết giữa các tổ chức | Củng cố vai trò và trách nhiệm hay phạm vi hoạt động của các tổ chức trong hệ thống từ cấp tỉnh đến cấp cơ sở. |
| Bước 3 | Cơ chế hóa các hoạt động | Quy định và hướng dẫn giải quyết các vấn đề và tồn tại theo từng giai đoạn và giải quyết kịp thời, dứt điểm các phát sinh theo thứ tự ưu tiên. |

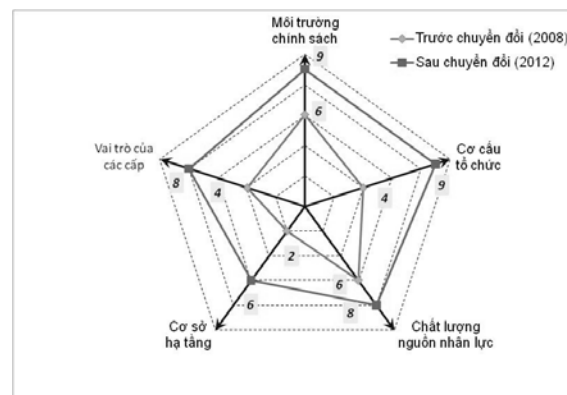
Bài học kinh nghiệm đổi mới ở Tuyên Quang cho thấy sự thành công trong cách tiếp cận hệ thống trên cơ sở phân tích những tồn tại, thách thức và cơ hội phát triển để tìm ra giải pháp tác động vào cấu trúc hệ thống một cách khoa học nhằm tối ưu hóa nguồn lực và khả năng của địa phương.

Bước ưu tiên ban đầu của tỉnh là xác định hướng phát triển, tiếp đến là tổ chức và xây dựng lại các yếu tố thành phần của hệ thống bằng việc thay đổi hay loại bỏ những thành phần không cần thiết, từng bước giải quyết những tồn tại, phát sinh cho phù hợp với điều kiện ở địa phương.

3.3.2. Cách xác định hệ thống và điểm tác động mấu chốt cho đổi mới

Phương án đặt ra được thực hiện từ năm 2008 là đánh giá tổng thể hiện trạng QLKTCTTL trên toàn tỉnh để xây dựng phương án đổi mới cho phù hợp thực trạng của tỉnh. Kết quả đánh giá thể hiện thông qua sơ đồ mạng nhện (spider map, công cụ phân tích chính sách) để mô tả và phân tích hiện trạng QLKTCTTL ở Tuyên Quang. Từ sơ đồ cho thấy yếu tố cơ sở hạ tầng thủy lợi là một trong những mảng yếu kém nhất (điểm 2/10), tiếp đến là cơ cấu tổ chức bộ máy và vai trò, trách nhiệm của các cấp, các thành phần trong bộ máy hoạt động được đánh giá thấp chỉ ở thang điểm 4/10. Vấn đề môi trường chính sách và chất lượng nguồn nhân lực được đánh giá là ở điểm 6/10 và là tốt hơn cả. Vậy câu hỏi đặt ra làm thế nào để đổi mới nâng cao chất lượng dịch vụ thủy lợi hiện tại của tỉnh trong điều kiện nguồn lực hạn chế của địa phương và sử dụng có hiệu quả hỗ trợ kinh phí của chính phủ [1]. Bước đầu đẩy mạnh công tác hoàn thiện tổ chức quản lý thông qua đề án nâng cao hiệu quả quản lý khai thác CTTL [2], cụ thể là Quyết định 397/QĐ-UBND năm 2011 về việc kiện toàn Ban QLKTCTTL của tỉnh. Trên cơ sở đó củng cố vấn đề nguồn nhân lực ở các cấp theo nguyên tắc tương hỗ giữa cán bộ của Ban và các bộ phận thủy lợi cơ sở. Tiếp đó xây dựng, thống nhất hóa các quy định một cách có cơ sở như Xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật trong

QLKTCTTL trên địa bàn tỉnh; Ban hành Quyết định số 29/2013 QĐ-UBND về quy định rõ mức thu thủy lợi phí, tiền nước và công tác quản lý và sử dụng nguồn kinh phí thủy lợi phí áp dụng trên địa bàn tỉnh (Bảng 2)... để làm cơ sở thực hiện cơ chế khoán đến tay người lao động đối với công tác quản lý khai thác và làm rõ vai trò trách nhiệm, quyền lợi của các bên liên quan (2).



Hình 3. Hiện trạng và tác động của đổi mới tổ chức quản lý thủy lợi ở Tuyên Quang

Bằng việc đưa ra những định hướng các chính sách sử dụng có hiệu quả nguồn kinh phí hỗ trợ của chính phủ và nguồn lực hiện có trên cơ sở môi trường chính sách chung của nhà nước thì nhiệm vụ QLKTCTTL của tỉnh đã có bước tiến bộ rõ ràng. Kết quả thực hiện ở hình 3 cho thấy, sau thời gian 3 – 4 năm thực hiện đổi mới cơ chế, hiệu quả QLKTCTTL ở Tuyên Quang được nâng lên đáng kể. Cơ chế chính sách được kiện toàn, vai trò trách nhiệm của các bên liên quan được củng cố, cơ cấu tổ chức bộ máy được thành lập mới, chất lượng nguồn nhân lực được nâng lên (tương đương điểm 8/10 trong sơ đồ spider map). Đặc biệt vấn đề cơ sở hạ tầng (phần công trình) có nhiều cải thiện trên cơ sở nền tảng cũ. Tuy nhiên hiện trạng công trình chưa thật sự như mong muốn vì công trình cần có sự đầu tư lớn về vốn nên trong thời gian ngắn chưa thể hoàn thành mục tiêu đặt ra. Hiện nay, tỉnh mới chỉ tổ chức khai thác tốt các công trình hiện có, khắc phục các hỏng hóc nhỏ, nạo

vét kênh mương để đảm bảo tưới tiêu phục vụ sản xuất [5].

Bảng 2 cho thấy để thực hiện thành công công tác đổi mới, Tuyên Quang đã thực hiện các bước cải cách cụ thể thông qua các công cụ chính sách và dựa trên quan điểm sử dụng có hiệu quả nguồn lực hỗ trợ từ chính phủ (thủy

lợi phí cấp bù) và phù hợp với điều kiện của tỉnh. Đổi mới nhưng vẫn duy trì được các hoạt động QLKTCTTL theo hướng tốt dần. Kết quả cho thấy, chất lượng dịch vụ được tăng lên, công trình được nạo vét kịp thời, ít hỏng hóc, kinh phí được sử dụng đúng mục đích và người lao động được cải thiện thu nhập.

Bảng 2. Tổng hợp đánh giá công tác đổi mới tổ chức QLKTCTTL ở Tuyên Quang

| <i>Chỉ tiêu</i> | <i>Sau đổi mới</i> |
|--|---|
| Nhân lực | Cấp tỉnh tăng lên do phát sinh nhiệm vụ (32 người); Cấp cơ sở giảm. |
| Chất lượng nguồn nhân lực | Đáp ứng quy định của Bộ NN&PTNT về điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân làm nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi. |
| Bộ máy QLKTCTTL và Mức độ bền vững | Cấp tỉnh có 01 Ban, cấp cơ sở có 147 Ban QLKTCTTL (04 Ban liên xã và 143 Ban cấp xã, Hợp tác xã Nông lâm nghiệp... Sự bền vững về tài chính của các đơn vị quản lý khai thác được cải thiện. |
| Cơ chế chính sách hỗ trợ đổi mới ở cấp tỉnh | Một loạt các quyết định của UBND tỉnh về củng cố hoạt động tổ chức vận hành khai thác có hiệu quả CTTL: <ul style="list-style-type: none"> - Quy định thực hiện một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; - Quy trình thẩm tra thiết kế công trình xây dựng của các cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng; - KIỆN TOÀN Ban quản lý khai thác CTTL; - Định mức kinh tế kỹ thuật trong quản lý, khai thác và bảo vệ CTTL; - Quy định tổ chức quản lý, khai thác và bảo vệ CTTL; - Ban hành mức thu thủy lợi phí, tiền nước và công tác quản lý, sử dụng nguồn kinh phí thủy lợi phí; - Quy chế phối hợp trong tổ chức quản lý, khai thác các CTTL; quản lý, sử dụng nguồn kinh phí thủy lợi phí, tiền nước; - Hướng dẫn liên sở về Quản lý, sử dụng và thanh quyết toán nguồn kinh phí cấp bù miễn thủy lợi phí, tiền nước năm 2012; Quản lý, sử dụng và thanh quyết toán nguồn kinh phí cấp bù miễn thủy lợi phí, tiền nước ... |
| Vai trò và trách nhiệm của các tổ chức liên quan | Vai trò trách nhiệm của các bên liên quan được cụ thể hóa thông qua các văn bản chính sách của tỉnh như Cơ chế phối hợp giữa các cấp các ngành, các cấp và các đơn vị quản lý khai thác CTTL. |
| Cơ sở hạ tầng (công trình) | Đã được nâng cấp dựa trên nguồn kinh phí được quy định từ nguồn cấp bù thủy lợi phí. |
| Chất lượng dịch vụ | Được nâng lên và đảm bảo kịp thời, đủ lượng |

V. KẾT LUẬN

Đổi mới quản lý thủy lợi đang đứng trước cơ hội phát triển một cách đồng bộ theo hướng hiện đại hóa công tác QLKTCTTL đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp hàng hóa.

Cấu trúc hệ thống tổ chức thủy lợi bao gồm ba thành phần chính là hệ thống tổ chức, năng lực nội tại và liên kết giữa các yếu tố thành phần. Cả ba yếu tố hoạt động song song và tương tác lẫn nhau trong môi trường chính sách cụ thể bởi vậy các tác động đổi mới cần lựa chọn những điểm mấu chốt

quan trọng làm thay đổi có hiệu quả quản lý.

Bài học thực tiễn thực hiện thành công bước đầu công tác đổi mới ở Tuyên Quang đã khẳng định tư duy hệ thống trong việc thực hiện quá trình đổi mới quản lý thủy lợi. Khởi nguồn cho thành công là xác định vị trí thực tế của ngành và tìm ra những mấu chốt tác động trên cơ sở cấu trúc hóa hệ thống. Giải quyết dần và triệt để các tồn tại cũ và vấn đề phát sinh trong đó vấn đề đổi mới cơ chế chính sách được coi là yếu tố cốt lõi và ưu tiên hàng đầu cho sự đổi mới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Christine Werthmann, 2011, Understanding Institutional Arrangements for Community-Based Natural Resource Management in the Mekong Delta of Cambodia and Vietnam – A mixed methods approach. PhD Dissertation, Fachbereichs Wirtschaftswissenschaften der Philipps-Universität Marburg.
- [2] Đoàn Thế Lợi, Trần Việt Dũng, 2012. Ban quản lý dịch vụ thủy lợi Hà Nội- Mô hình mới về quản lý khai thác công trình thủy lợi theo phương thức đặt hàng. Tạp chí khoa học thủy lợi. Số 3/2012. Tr. 30-34.
- [3] Đoàn Thế Lợi, Nguyễn Thị Định, Đào Quang Khải, 2012. Đổi mới tư duy hay đổi mới cơ chế để nâng cao hiệu quả quản lý khai thác CTTL? Một số kinh nghiệm ở Tuyên Quang. Tạp chí khoa học thủy lợi. Số 7/2012. Tr. 11-34.
- [4] Institute for Water Resources Economics and Management and World Banks consultant groups, 2012. Report on Irrigated Agriculture and Irrigation Systems Management Reform in Vietnam's Central Coast Region. Worldbank in Vietnam.
- [5] Lê Hải Hùng, 2014. Báo cáo kết quả việc thực hiện chính sách Pháp luật về đầu tư, quản lý, sử dụng và khai thác các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2012 – 2013. Ban quản lý khai thác CTTL. Số: 404/BC-BQL.
- [6] Lin Crase and Dr Vasant P. Gandhi, 2009. The Effectiveness of Water Institutions. Reforming Institutions in Water Resource Management. First published by Earthscan in the UK and USA in 2009 Crase and Vasant P. Gandhi, pp 3-19.
- [7] Phillip Pagan, 2009. Laws, Customs and Rules: Identifying the Characteristics of Successful Water Institutions. Reforming Institutions in Water Resource Management. First published by Earthscan in the UK and USA in 2009 Crase and Vasant P. Gandhi, pp. 20-44.